



Where wealth gets built.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME BANK

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 1&3, Tòa nhà Sky City, 88
Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (844) 3776 5929
Fax: (844) 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 9, 115 Trần Hưng Đạo,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (844) 3776 5929
Fax: (844) 3822 3131

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, Số 180-192
Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP HCM
Điện thoại: (848) 3521 4299
Fax: (848) 3914 1969

MARITIME BANK SECURITIES

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 05 |
| GIỚI THIỆU CÔNG TY | 07 |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH | 10 |
| CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU | 12 |
| SƠ ĐỒ TỔ CHỨC | 13 |
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) | 15 |
| BAN KIỂM SOÁT | 19 |
| NHÂN SỰ CHỦ CHỐT | 21 |
| TỔNG KẾT KINH TẾ VĨ MÔ & TTCK NĂM 2014 VÀ DỰ BÁO NĂM 2015..... | 24 |
| KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2014 VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN 2015..... | 25 |
| Dịch vụ chứng khoán | 25 |
| Dịch vụ Ngân hàng đầu tư | 26 |
| Hoạt động Đầu tư | 26 |
| Hoạt động Công nghệ thông tin | 26 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 27 |



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ!

Quý vị thân mến!

Năm 2014 đã kết thúc với nhiều chuyển biến tích cực của thị trường chứng khoán (TTCK). Những chuyển biến này là nhờ vào sự cải thiện đáng kể của nền kinh tế vĩ mô. Các chỉ tiêu như tăng trưởng kinh tế, lạm phát, kim ngạch xuất nhập khẩu, dòng vốn đầu tư nước ngoài FDI... đều ở mức tốt hơn so với kỳ vọng. Chính vì vậy, TTCK Việt Nam năm qua đã thể hiện sự tăng trưởng và xác lập mặt bằng vững chắc mặc dù xen kẽ những khoảng điều chỉnh giảm. Chỉ số VN-Index đã lập đỉnh tại mức 640 điểm (ngày 3/9) sau gần 6 năm, trong khi chỉ số HNX-Index cũng đã lập đỉnh tại mức 93 điểm (ngày 24/3) sau đúng 3 năm. Bên cạnh việc các chỉ số trên thị trường tăng trưởng tốt, TTCK còn ghi nhận mức vốn hóa thị trường đạt 1.156 nghìn tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2013 và tương đương 32% GDP. Các sản phẩm mới cũng được cơ quan quản lý tích cực nghiên cứu và triển khai như sản phẩm ETF, các sản phẩm chứng khoán phái sinh..., đây là bước tiến quan trọng trong việc phòng ngừa rủi ro và tăng sức hấp dẫn của TTCK.

Đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank (MSBS), năm 2014 cũng là năm đánh dấu những bước chuyển mình đáng ghi nhận. Tốc độ tăng trưởng thị phần môi giới chứng khoán niêm yết cao nhất từ trước tới nay và lọt vào Top 15 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới cao nhất. Tất cả các chỉ tiêu kinh doanh đã hoàn thành vượt mức kế hoạch. Tổng doanh thu của MSBS năm 2014 đạt 243 tỷ đồng tăng gấp 2 lần doanh thu năm 2013 và cũng là mức doanh thu cao nhất tính đến năm 2014. Lợi nhuận trước thuế đạt trên 71 tỷ đồng. MSBS được HSX vinh danh là Công ty Chứng khoán có số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tăng trưởng tốt nhất trong năm 2014. Mạng dịch vụ ngân hàng đầu tư đã có sự phát triển mạnh mẽ, với thành tích tư vấn phát hành 12 ngàn tỷ trái phiếu các loại cho các doanh nghiệp, trong đó có những thương vụ lớn, tạo tiếng vang. Các kết quả đạt được đến từ định hướng đúng đắn của Ban Điều hành, sự nỗ lực của tập thể đội ngũ cán bộ nhân viên MSBS đầy nhiệt huyết và luôn hết mình chung tay vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Bước sang năm 2015, nền kinh tế Việt Nam có sự lạc quan hơn về khả năng tăng trưởng bền vững cũng như đứng trước những cơ hội gia nhập các Hiệp định kinh tế quốc tế lớn như TPP. Bên cạnh đó, làn sóng IPO của khối doanh nghiệp nhà nước cùng sự sôi động của thị trường M&A cũng thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, dưới tác động của Thông tư 36/2014-NHNN và những dự thảo sửa đổi của Thông tư 210/2010/TT-BTC thị trường chứng khoán có thể không tránh khỏi những tác động tiêu cực trong ngắn hạn và cần có thời gian để hồi phục. Đây là những khó khăn trước mắt mà các công ty chứng khoán cũng như các nhà đầu tư phải thích ứng và vượt qua để có được thị trường chứng khoán lành mạnh, minh bạch.

Đối với MSBS, năm 2015 được kì vọng là một bước ngoặt lớn trên chặng đường phát triển. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin bày tỏ lời tri ân tới tất cả Quý Khách hàng và Đối tác của công ty, những người đã, đang và sẽ luôn sát cánh, chia sẻ những khó khăn và thành công với chúng tôi trong suốt những năm qua và trong tương lai, cảm ơn các bạn đồng nghiệp vì những đóng góp tích cực và sáng tạo của các bạn vì sự phát triển của MSBS. Tôi tin rằng MSBS sẽ là nơi để tất cả Quý vị tiếp tục đặt niềm tin và tạo dựng thành công.

Xin chân thành cảm ơn!

Lê Đình Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị!

Where wealth gets built.



GIỚI THIỆU CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank (“MSBS”) là một công ty chứng khoán chuyên nghiệp tại Việt Nam, có kinh nghiệm đa dạng trong lĩnh vực chứng khoán. Chúng tôi cung cấp Dịch vụ Chứng khoán và Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư chuyên nghiệp cho các khách hàng gồm các doanh nghiệp, nhà đầu tư tổ chức và các nhà đầu tư cá nhân trong và ngoài nước.

Trải qua 7 năm hình thành, MSBS đã phát triển mạnh mẽ và hiện đang hoạt động tại Hội sở chính Hà Nội cùng mạng lưới 3 chi nhánh tại các thành phố lớn với đội ngũ 150 nhân sự chuyên nghiệp, phục vụ trên 35 ngàn khách hàng.

Năm 2014, MSBS đã vươn lên vị trí 15 về thị phần môi giới giao dịch chứng khoán niêm yết (thị phần 2,5% tính trên 2 Sở giao dịch) và phát triển mạnh mẽ mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm. MSBS vinh dự được Sở giao dịch chứng khoán HCM (HSX) vinh danh là công ty chứng khoán có số lượng tài khoản của nhà đầu tư tăng trưởng tốt nhất năm 2014. Chúng tôi cũng huy động thành công trên 12 ngàn tỷ trái phiếu dài hạn cho các doanh nghiệp cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp cổ phần hóa, huy động vốn cổ phần và triển khai thành công các thương vụ M&A.

TÂM NHÌN

Chúng tôi nỗ lực trở thành một trong các công ty chứng khoán có chất lượng tốt nhất tại Việt Nam, trên cơ sở cam kết theo các giá trị và triết lý cốt lõi của chúng tôi.

SỨ MỆNH

Sứ mệnh của chúng tôi là tạo ra một môi trường đầu tư thuận tiện, chuyên nghiệp cho nhà đầu tư cá nhân và tổ chức cũng như mang tới các giải pháp tài chính tối ưu cho khách hàng doanh nghiệp.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Hướng tới khách hàng (Clients first):** luôn luôn lắng nghe và ưu tiên mọi nhu cầu của khách hàng.
- Sáng tạo (Creativity):** khuyến khích sự sáng tạo và luôn hướng đến những ý tưởng mới nhằm không ngừng mang tới cho các khách hàng những sản phẩm thông minh, có giá trị.
- Tận tâm (Diligence):** theo đuổi để hoàn thành công việc được giao, để tâm tới những chi tiết nhỏ nhất.
- Chuyên nghiệp (Professionalism):** thiết lập các chuẩn mực chuyên nghiệp theo các thông lệ tiên tiến và tuân thủ các chuẩn mực trong mọi hành động.
- Chính trực (Integrity):** trung thực và chân thành trong những việc chúng ta làm.
- Tinh thần đồng đội (Teamwork):** tôn trọng mỗi cá nhân và sự đóng góp của từng cá nhân đối với thành công chung.

THÔNG TIN PHÁP LÝ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank (“MSBS”) được thành lập theo Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK ngày 27-01-2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận đổi tên và bổ sung nghiệp vụ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard (được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 77/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/6/2008).

Với vốn điều lệ 300.000.000.000 đồng, MSBS được thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ theo quy định:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính;
- Lưu ký chứng khoán; và
- Nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân.

CÁC MỐC THỜI GIAN

2008

Tiền thân là Công ty CP Chứng khoán Standard (“SSJ”), SSJ thành lập giữa 2008 với Giấy phép hoạt động kinh doanh số 77/UBCK – GPHĐKD của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày ngày 11/06/2008.

Với số vốn ban đầu là 35 tỷ đồng, SSJ là công ty chứng khoán duy nhất đặt trụ sở tại TP. Vũng Tàu, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực môi giới chứng khoán.

2010

SSJ chính thức tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

UBCKNN chấp thuận bổ sung thêm nghiệp vụ Tự Doanh, Tư Vấn Tài Chính và Bảo Lãnh Phát Hành cho SSJ.

2011

SSJ chính thức ký hợp tác chiến lược toàn diện với Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (“MSB”).

Tháng 03/2011, SSJ đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank (“MSBS”) và chuyển trụ sở chính từ Thành phố Vũng Tàu ra Hà Nội.

2012

Trở thành đối tác của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước (“SCIC”) và Công ty Mua Bán Nợ (“DATC”) trong việc tư vấn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp.

Tháng 05/2012, bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT mới: Ông Lê Đình Ngọc, một chuyên gia tài chính với trên 15 năm kinh nghiệm trong ngành chứng khoán và tài chính ngân hàng.

Tháng 12/2012, tách bạch và khai trương Sở Giao dịch MSBS kang trang, hiện đại, thuận tiện cho nhà đầu tư tại Tầng 1, Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

2013

Tháng 01/2013, bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới: Ông Mạc Quang Huy, một chuyên gia tài chính với trên 17 năm kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam.

Tháng 03/2013, triển khai chương trình bán chéo với Ngân hàng MSB, khách hàng của MSB có thể đến các Trung Tâm Khách hàng Cá nhân của MSB để được tư vấn và mở tài khoản giao dịch chứng khoán với MSBS.

Tháng 04/2013, triển khai thành công phần mềm Core mới do một nhà cung cấp uy tín được kiểm nghiệm tại thị trường Việt Nam, ra mắt hệ thống giao dịch hiện đại kèm theo các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ chứng khoán hàng đầu.

Tháng 05/2013, kết nối thành công Core của MSBS với Ngân hàng MSB, theo đó việc chuyển tiền hai chiều giữa tài khoản chứng khoán MSBS và tài khoản ngân hàng MSB được thực hiện theo thời gian thực (real time).

Tháng 06/2013, triển khai thành công bảng giá trực tuyến MS-Quote dựa trên nền công nghệ đẩy dữ liệu hiện đại nhất. MS-Quote trở thành bảng giá “real time” có tốc độ chạy nhanh nhất thị trường.

Tháng 07/2013, khai trương Chi nhánh TP Hồ Chí Minh tại địa chỉ Tầng 2, Tòa nhà Maritime Bank Tower, 182-190 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Tháng 10/2013, hoàn thiện Giai đoạn II của hệ thống phần mềm Core Trading, theo đó cung cấp thêm nhiều tiện ích trực tuyến hoàn chỉnh cho các khách hàng như giao dịch trực tuyến qua di động (MS-Mobile), mở tài khoản trực tuyến (MS-Open), giao dịch trực tuyến tại nhà với phần mềm siêu tốc (MS-ProTrading), v.v...



Tháng 01/2014, hoàn thành việc tách bạch hoàn toàn tài khoản nhà đầu tư thông qua việc kết nối với Ngân hàng BIDV, đáp ứng yêu cầu của UBCK cũng như tạo niềm tin đối với khách hàng có nhu cầu.

Tháng 04/2014, khai trương Trung tâm Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IBD) tại TP HCM nhằm cung cấp các sản phẩm tư vấn tài chính có chất lượng cao cho các khách hàng doanh nghiệp và tạo hàng trên thị trường sơ cấp.

Tháng 05/2014, khai trương Chi nhánh Hà Nội địa chỉ Tầng 9, Tòa nhà 30-4 Tower, 115 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội nhằm tạo điều kiện cho các khách hàng tại các quận trung tâm Thủ đô.

Tháng 08/2014, khai trương Trung tâm Khách hàng Tổ chức (ICC) tại Chi nhánh TP HCM nhằm phục vụ các khách hàng định chế tài chính, các quỹ đầu tư và các cá nhân nước ngoài.

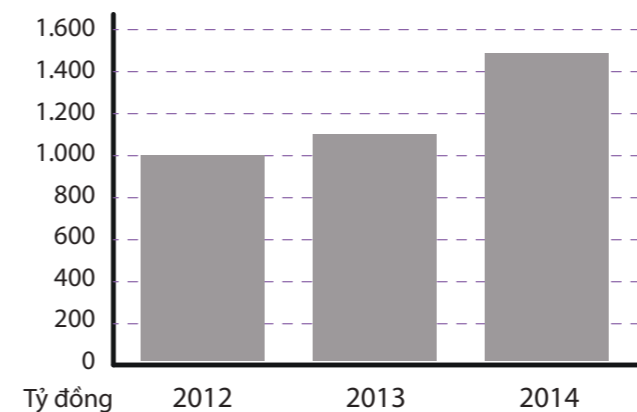
Tháng 10/2014, hoàn thành việc kết nối chuyển tiền 2 chiều theo thời gian thực "real time" và 24/7 với 2 ngân hàng lớn BIDV và Vietcombank nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Khách hàng khi giao dịch tiền.

Tháng 11/2014, hoàn thành việc tách bạch số dư tài khoản tiền giữa MSBS và MSB, theo đó khách hàng quản lý tài khoản tiền tại Ngân hàng MSB nhưng vẫn dùng được các sản phẩm đòn bẩy tài chính. Đây là một sản phẩm sáng tạo, độc đáo trên thị trường đáp ứng đồng thời nhu cầu tách bạch tài khoản và nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính.

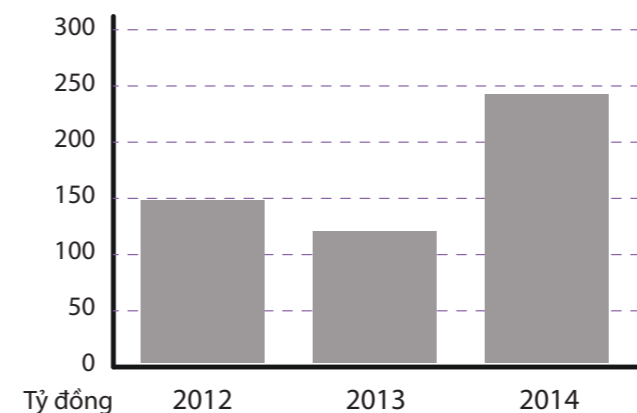
Năm 2014, đánh dấu sự phát triển vượt bậc về quy mô kinh doanh mảng Dịch vụ chứng khoán. Cụ thể số lượng tài khoản vượt ngưỡng 30.000. Thị phần đạt 2,5%, đứng vị trí 15 tính theo giá trị trên cả 2 SGD chứng khoán HSX và HNX. Năm 2014, MSBS được HSX vinh danh là Công ty chứng khoán có số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tăng trưởng tốt nhất 2014.

Năm 2014, đánh dấu sự phát triển vượt bậc về thành tích Tư vấn Dịch vụ IB. Cụ thể, MSBS huy động thông qua tư vấn, dựng sổ, bảo lãnh phát hành cho trên 12 ngàn tỷ đồng vốn trái phiếu cho các doanh nghiệp và hoàn thành một số thương vụ tư vấn M&A.

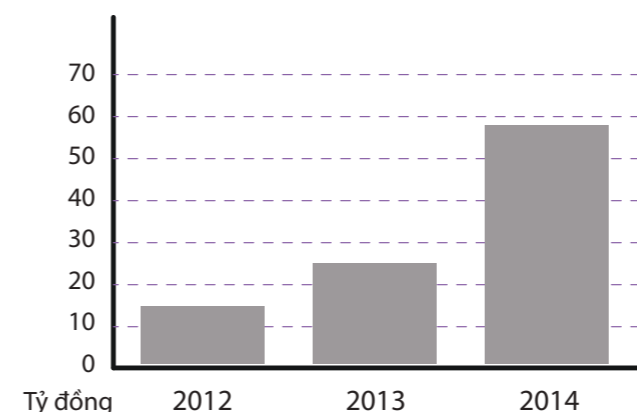
TỔNG TÀI SẢN



DOANH THU THUẦN



LỢI NHUẬN SAU THUẾ



Where wealth gets built.



KHẢ NĂNG SINH LỜI, KHẢ NĂNG THANH TOÁN

| Cơ cấu tài sản | % | 2012 | 2013 | 2014 |
|---|-----|-------|-------|-------|
| Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản | | 12% | 11% | 8% |
| Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản | | 88% | 89% | 92% |
| Cơ cấu nguồn vốn | % | 2012 | 2013 | 2014 |
| Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | | 66% | 67% | 72% |
| Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | | 34% | 33% | 28% |
| Khả năng thanh toán | Lần | 2012 | 2013 | 2014 |
| Khả năng thanh toán nhanh | | 3.6 | 2.9 | 2.0 |
| Khả năng thanh toán hiện hành | | 4.7 | 3.6 | 2.7 |
| Tỷ suất lợi nhuận | % | 2012 | 2013 | 2014 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | | 1.5% | 2.3% | 3.9% |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE) | | 4.5% | 6.9% | 13.8% |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | | 10.4% | 20.5% | 23.8% |

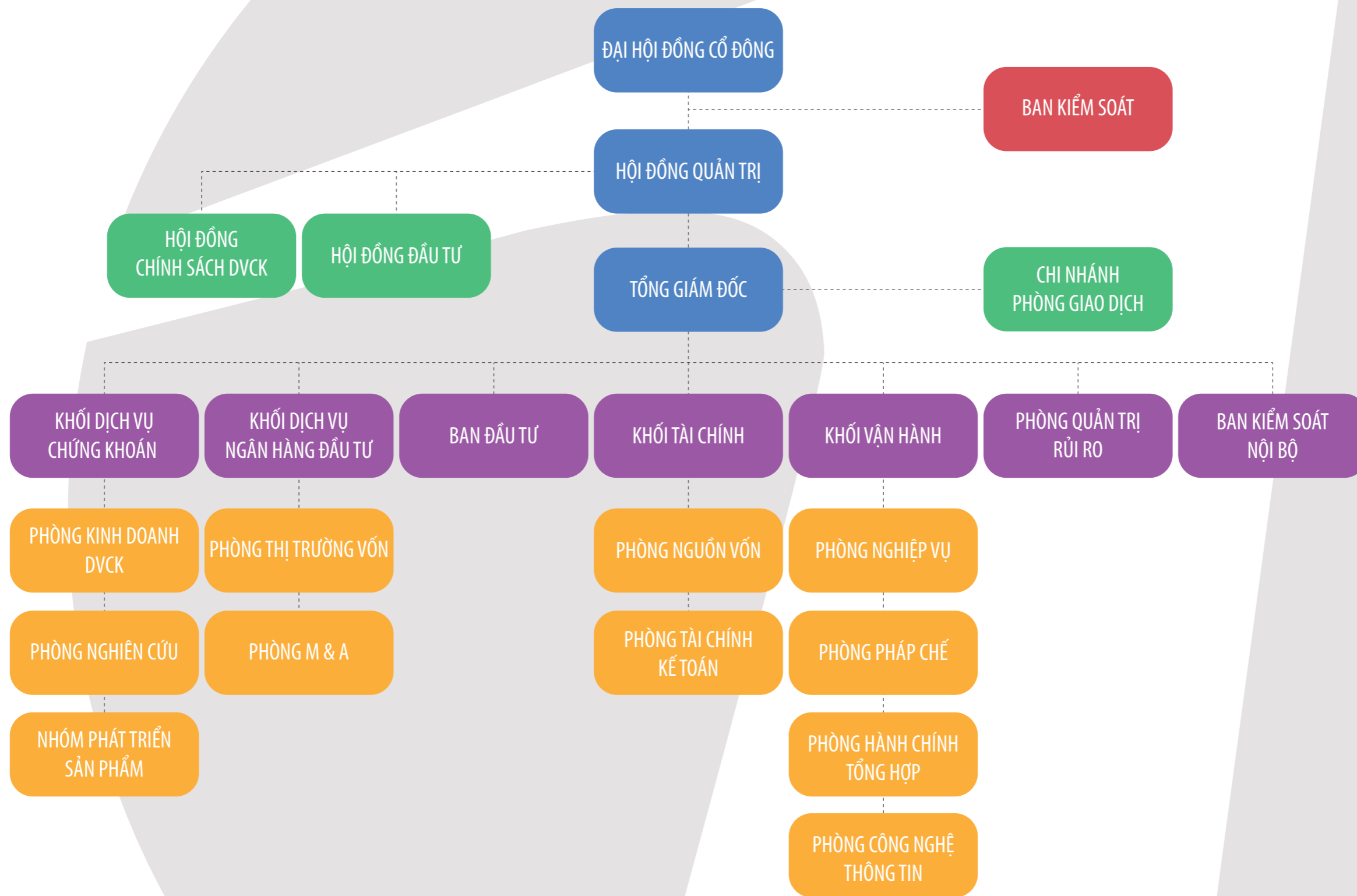
GIÁ TRỊ SỐ SÁCH

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 giá trị sổ sách của Công ty cổ phần chứng khoán Maritime Bank là: 14.004 VNĐ/1 CP



| Danh mục | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) | Số cổ đông (người) |
|---|-------------------|-------------|--------------------|
| A. CƠ CẤU TỶ LỆ SỞ HỮU | | | |
| Tổng số lượng cổ phần phổ thông: | 30.000.000 | 100% | 55 |
| ▪ Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) | 23.953.600 | 79,8% | 9 |
| ▪ Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phần có quyền biểu quyết | 6.046.400 | 20,2% | 46 |
| Trong đó: | | | |
| ▪ Nhà nước | 0 | 0 | 0 |
| ▪ Nước ngoài | 0 | 0 | 0 |
| B. CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG | | | |
| ▪ Nhà nước | 0 | 0 | 0 |
| ▪ Nước ngoài | 0 | 0 | 0 |
| ▪ Cổ đông là tổ chức | 15.806.000 | 52,7% | 9 |
| ▪ Cổ đông cá nhân | 14.194.000 | 47,3% | 46 |







CƠ CẤU TỔ CHỨC HĐQT NĂM 2014

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm / Miễn nhiệm |
|------------------------|------------|--------------------------------------|
| Ông Lê Đình Ngọc | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2012 |
| Ông Nguyễn Đức Hoàn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Trung Dũng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2012 |
| Ông Nguyễn Thanh Dương | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2014 |

ÔNG LÊ ĐÌNH NGỌC - CHỦ TỊCH HĐQT



Ông Lê Đình Ngọc hiện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của MSBS và Công ty Quản lý Quỹ Tín Phát. Ông Ngọc có thâm niên hơn 11 năm kinh nghiệm làm việc tại Công ty CP Chứng khoán Thăng Long (TLS) với vai trò quản lý cấp cao. Trong giai đoạn 2006 - 2011, với vai trò là Tổng Giám đốc, ông Ngọc đã thành công trong việc dẫn dắt TLS trở thành một trong số ít các công ty chứng khoán hàng đầu, có uy tín tại Việt Nam, được cộng đồng các nhà đầu tư kính nể, với nhiều năm liên tiếp giữ được vị trí số 1 về thị phần giao dịch chứng khoán niêm yết trên cả hai sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Thành phố Hồ Chí Minh (HSX).

Ông Ngọc tốt nghiệp Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, cử nhân Tài chính - Ngân hàng và thạc sỹ Tài chính Ngân hàng và Thị trường tiền tệ. Hiện ông Ngọc còn làm thành viên HĐQT của Tập đoàn Dệt may Việt Nam: Vinatex.

ÔNG NGUYỄN ĐỨC HOÀN - THÀNH VIÊN HĐQT



Ông Nguyễn Đức Hoàn là một chuyên gia tài chính với gần 20 năm kinh nghiệm trên thị trường tài chính. Được đào tạo bài bản tại nước ngoài, ông Hoàn đã có 8 năm làm việc tại Ngân hàng Barclays tại Luân Đôn và 4 năm công tác tại Ngân hàng Định chế thuộc Ngân hàng MSB.

Trước khi đảm nhiệm vị trí TGD của Công ty Quản lý Quỹ Tín Phát, ông Hoàn phụ trách toàn bộ mảng giao dịch đầu tư trái phiếu của MSB – một trung tâm lợi nhuận hoạt động rất hiệu quả của MSB.

Ông Hoàn được bổ nhiệm thành viên HĐQT của MSBS từ tháng 01 năm 2014.

ÔNG NGUYỄN TRUNG DŨNG - THÀNH VIÊN HĐQT

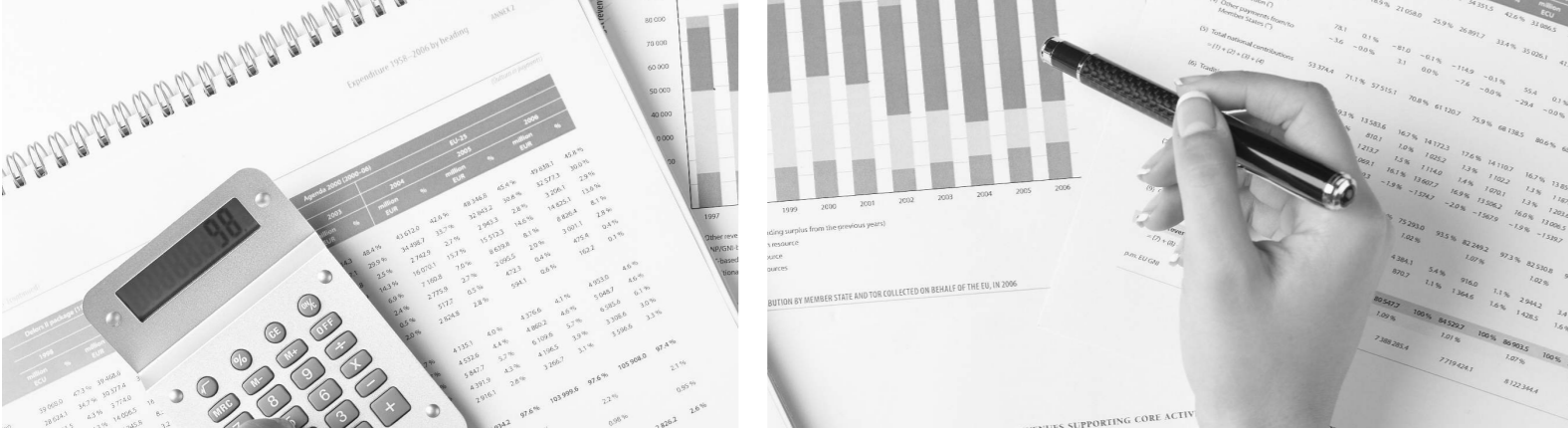


Ông Nguyễn Trung Dũng tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Học viện Tài chính kế toán và đang tiếp tục hoàn thiện chương trình Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh trong nước. Trải qua gần 15 năm tham gia vào công tác quản lý, điều hành hoạt động của doanh nghiệp tại các Tập đoàn và Tổng công ty lớn có hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư, lĩnh vực tài chính và kinh doanh bất động sản. Với bề dày kinh nghiệm, ông Dũng đã đóng góp nhiều công sức vào công cuộc xây dựng và phát triển Doanh nghiệp.

Hiện tại, ông Dũng đang giữ cương vị Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hà Tây là Doanh nghiệp trực thuộc Tập đoàn đầu tư phát triển Việt Nam (TNG Holdings) và được bổ nhiệm vị trí Thành viên HĐQT MSBS từ tháng 05/2012.

Khơi nguồn giá trị.





CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT

1. Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán và Kiểm toán Nội bộ được thành lập từ tháng 11/2013, là một đơn vị trực thuộc Hội đồng Quản trị, độc lập hoàn toàn với Ban điều hành theo các thông lệ tiên tiến về quản trị doanh nghiệp (corporate governance). Ủy ban Kiểm toán có nhiệm vụ đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; đánh giá việc tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ trong hoạt động của Công ty thông qua các hoạt động kiểm toán nội bộ.

Ủy ban Kiểm toán có nhiệm vụ thành lập các đoàn Kiểm toán Nội bộ để tiến hành kiểm toán nội bộ các hoạt động của Công ty một cách định kỳ hoặc theo chuyên đề. Báo cáo kiểm toán được gửi trực tiếp lên HĐQT.

Bà Nguyễn Ngọc Linh được bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán nhiệm kỳ đầu tiên. Bà có 06 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, đầu tư chứng khoán và đã tham gia Phòng kiểm toán nội bộ Ngân hàng Maritime Bank (MSB) từ năm 2007, hiện là Giám đốc Kiểm toán nội bộ của MSB. Bà Linh tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân, khoa Ngân hàng Tài chính năm 2004 và nhận bằng MBA tại Đại học Troy (Hoa Kỳ) năm 2013.

2. Ủy ban Quản trị Rủi ro

Ủy ban Quản trị Rủi ro được thành lập vào tháng 11/2013, là một đơn vị trực thuộc Hội đồng Quản trị, độc lập hoàn toàn với Ban điều hành theo các thông lệ tiên tiến về quản trị doanh nghiệp (corporate governance). Ủy ban Quản trị Rủi ro là một bộ phận chuyên trách thuộc HĐQT nhằm giúp HĐQT thực hiện vai trò quản trị rủi ro của Công ty, bao gồm việc xây dựng, tư vấn các chính sách, chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty; đánh giá về sự phù hợp, hiệu

quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty.

Chủ tịch HĐQT, Ông Lê Đình Ngọc đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban Quản trị Rủi ro.

3. Hội đồng Chính sách Dịch vụ Chứng khoán

Hội đồng Chính sách Dịch vụ Chứng khoán được thành lập từ tháng 12/2012, nhằm góp phần tăng cường chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ chứng khoán của MSBS, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường và quản trị rủi ro có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ. Hội đồng Chính sách có chức năng phê duyệt điều chỉnh chính sách sản phẩm, chính sách dịch vụ khách hàng một cách linh hoạt và hiệu quả, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng song vẫn đảm bảo việc quản trị rủi ro.

Hội đồng Chính sách DVCK được thành lập gồm Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Quản trị Rủi ro, Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

4. Hội đồng Đầu tư

Hội đồng Đầu tư được thành lập từ tháng 12/2012, là bộ phận chuyên trách của Hội đồng Quản trị, thực hiện thiết lập, hoạch định chính sách đầu tư và định hướng phát triển hoạt động đầu tư của MSBS một cách bài bản, chuyên nghiệp, phát huy hiệu quả của sức mạnh tập thể.

Hội đồng Đầu tư nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động liên quan đến đầu tư tài chính được tiến hành phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ khác của MSBS; kiểm soát chặt chẽ, nâng cao khả năng sinh lời, hiệu quả đầu tư, đảm bảo hoạt động đầu tư có tính ổn định, an toàn cao.

Hội đồng Đầu tư được thành lập gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, một thành viên HĐQT và một đại diện Trung tâm Nghiên cứu.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Năm 2014, các hoạt động của HĐQT đã bám sát các nội dung trong Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) thường niên. HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt và thận trọng nhằm hoàn thành tốt nhất kế hoạch kinh doanh.

Các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ rõ ràng, tất cả các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT thường kỳ, đột xuất để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, các cuộc họp đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT. Các nội dung họp được các thành viên thảo luận và thống nhất cao trên cơ sở công khai biểu quyết. Các quyết định kịp thời của HĐQT đã thúc đẩy hoạt động kinh doanh của MSBS ngày càng phát triển vững chắc.

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ |
|-----|-------------------|-----------------|---------------------|-------|
| 1 | Lê Đình Ngọc | Chủ tịch HĐQT | 17 | 100% |
| 2 | Nguyễn Đức Hoàn | Thành viên HĐQT | 17 | 100% |
| 3 | Nguyễn Trung Dũng | Thành viên HĐQT | 17 | 100% |

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

HĐQT luôn thực hiện việc giám sát các hoạt động kinh doanh đồng thời trực tiếp đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty trong việc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh.

Công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc tập trung vào một số nội dung chính như sau:

- Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2014 tại Hà Nội nhằm thông qua các nội dung chính như kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tăng vốn, phân phối lợi nhuận...
- Hỗ trợ công tác thành lập Chi nhánh Hà Nội.
- Nghiên cứu các đề xuất về sản phẩm và quy trình quản trị rủi ro sản phẩm mới.
- Tham gia các hoạt động tập thể gắn kết các thành viên gia đình MSBS nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Công ty tại Hải Tiến.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2014.
- Tổ chức phản biện kế hoạch kinh doanh 2015.

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2014, MSBS bước đầu thực hiện tốt định hướng dài hạn của công ty. Cụ thể:

- Hoạt động kinh doanh của công ty đã đạt được những con số đáng khích lệ. Các mảng hoạt động kinh doanh chính như Dịch vụ chứng khoán và Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đồng thời phát triển.
- Đội ngũ nhân sự gọn nhẹ, tinh nhuệ đảm bảo hiệu quả và chất lượng công việc.
- Hệ thống quản trị rủi ro được giám sát và tuân thủ chặt chẽ.
- Xây dựng văn hóa MSBS ngày càng rõ nét và sâu sắc.
- Chú trọng vào các hoạt động cộng đồng nhằm phát triển nguồn nhân lực cho đất nước.

Kế hoạch hoạt động năm 2015

HĐQT MSBS năm 2015 sẽ tập trung vào các công việc sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát; củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả và bảo toàn vốn.
- Đi đôi với việc hoàn thiện chiến lược và các kế hoạch phát triển trung và dài hạn, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình tác nghiệp, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý, chú trọng công tác quản trị rủi ro.
- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch.
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ khác của Công ty.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Tỷ lệ |
|-----|-------------------|-----------------|-------|
| 1 | Lê Đình Ngọc | Chủ tịch HĐQT | 4.43% |
| 2 | Nguyễn Đức Hoàn | Thành viên HĐQT | 0.00% |
| 3 | Nguyễn Trung Dũng | Thành viên HĐQT | 2.00% |



Where wealth gets built.



CƠ CẤU TỔ CHỨC BAN KIỂM SOÁT NĂM 2014

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm |
|-----|------------------------|------------|--------------------------------------|
| 1 | Bà Hà Thị Bích Hạnh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2014 |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Minh Lan | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2014 |
| 3 | Ông Nguyễn Thành Nam | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2014 |
| 4 | Bà Trần Thị Hào | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2014 |
| 5 | Bà Trần Thị Kim Oanh | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2014 |
| 6 | Bà Bùi Thị Bích Thảo | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2014 |

* Miễn nhiệm Ông Nguyễn Thành Nam ngày 08 tháng 01 năm 2015 và bổ nhiệm Bà Bùi Thị Bích Thảo làm thành viên Ban Kiểm soát cùng ngày

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Nhân sự Ban Kiểm soát MSBS là các thành viên độc lập, không phải là người lao động của MSBS. Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Các hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông
- Thẩm tra báo cáo tài chính của công ty hàng quý, 6 tháng và năm 2014. Giám sát tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo Thông tư 226/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2010.
- Ban Kiểm soát tham gia cùng với HĐQT, Ban Điều hành trong việc kiểm tra tính hợp lệ đối với các quy trình, quy chế mới được ban hành
- Năm 2014, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của MSBS

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Tỷ lệ |
|-----|---------------------|--------------------------|-------|
| 1 | Hà Thị Bích Hạnh | Trưởng Ban Kiểm soát | 8.89% |
| 2 | Nguyễn Thị Minh Lan | Thành viên Ban Kiểm soát | 0.40% |
| 3 | Nguyễn Thành Nam | Thành viên Ban Kiểm soát | 0.00% |
| 4 | Bùi Thị Bích Thảo | Thành viên Ban Kiểm soát | 2.57% |

HƯỚNG TỚI KHÁCH HÀNG

SÁNG TẠO

TẬN TÂM

CHUYÊN NGHIỆP

CHÍNH TRỰC

TINH THẦN ĐỒNG ĐỘI



ÔNG MẠC QUANG HUY, MBA, ACCA – TỔNG GIÁM ĐỐC (CEO)

Ông Mạc Quang Huy là Tổng Giám đốc của MSBS từ tháng 01/2013. Ông Huy là một chuyên gia tài chính với trên 18 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính và ngân hàng đầu tư. Ông Huy có 09 năm kinh nghiệm làm việc tại KPMG Việt Nam và Anh Quốc (1996-2005) với tư cách là Giám đốc Kiểm toán các ngân hàng và Giám đốc Cao cấp phụ trách mảng Tư vấn tài chính của KPMG Việt Nam. Từ 2005 tới 2010, ông Huy đảm nhiệm nhiều vị trí cao cấp tại các ngân hàng đầu tư lớn trên thế giới như Lehman Brothers, Nomura tại Nhật Bản và Australia. Giai đoạn từ 2010-2012, ông Huy là Phó Tổng Giám đốc trực tiếp tham gia điều hành mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và sau đó phụ trách mảng khách hàng cá nhân, tổ chức Dịch vụ Chứng khoán của Công ty CP Chứng khoán Thăng Long (TLS).

Ông Huy là thạc sỹ MBA tại trường Herriot Watt, UK (2006), hội viên của Hiệp hội Chứng khoán và Đầu tư Công chứng Anh Quốc (MCSI). Ông Huy hiện là hội viên Hội Kế toán viên Công chứng Anh Quốc (ACCA) kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban Cố vấn ACCA tại Việt Nam (nhiệm kỳ 2014-2015). Ông Huy là Tác giả cuốn sách tài chính “Cẩm nang Ngân hàng Đầu tư” và nhiều bài báo, phỏng vấn được đăng tải trên một số báo và tạp chí tài chính chuyên ngành.



BÀ THẨM THỊ THÚY – GIÁM ĐỐC KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ (MANAGING DIRECTOR)

Bà Thẩm Thị Thúy tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP HCM chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Bà Thúy là người có kinh nghiệm dày dặn trong ngành chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp tại Việt Nam với hơn 16 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng và điều hành. Trước khi gia nhập MSBS, bà Thúy từng đảm nhận các vị trí Trưởng phòng tư vấn và giải pháp tài chính Ngân hàng VP Bank và Giám đốc Chi nhánh TP HCM của Công ty Chứng khoán Thăng Long (TLS) trong nhiều năm liền.



ÔNG TRỊNH NGUYÊN KHÁNH – GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ HÀ NỘI (DIRECTOR)

Ông Trịnh Nguyên Khánh là một chuyên gia tài chính với hơn 10 năm kinh nghiệm trong đó 04 năm kinh nghiệm tại MSBS với tư cách là Giám đốc Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư. Hiện ông Khánh phụ trách mảng tư vấn Thị trường vốn (ECM & DCM), thuộc khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư tại MSBS.

Trước khi tham gia MSBS, ông Khánh có 04 năm làm việc tại Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC) và 03 năm đảm nhiệm vị trí Phó phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS). Với bề dày kinh nghiệm thực tế và kiến thức chuyên môn sâu rộng, ông Khánh là yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển dịch vụ tư vấn của MSBS. Ông Khánh tốt nghiệp Học viện Tài chính Kế toán Hà Nội, chuyên ngành Kế toán.



BÀ TRẦN THỊ MỸ NGA – GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ M&A, DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ HÀ NỘI (VICE PRESIDENT)

Bà Trần Thị Mỹ Nga là một chuyên gia tài chính với hơn 11 năm kinh nghiệm. Bà Nga gia nhập MSBS từ 2011 và hiện là Giám đốc Dịch vụ M&A, khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư (IBD) tại MSBS. Bà Nga tốt nghiệp Đại học Monash (Úc) chuyên ngành Quản lý tài chính (Postgraduate Diploma in Financial Management) với học bổng AusAid. Bà Nga đã có kinh nghiệm 04 năm trong lĩnh vực kế toán và 05 năm kinh nghiệm tư vấn tài chính doanh nghiệp tại Công ty CP Chứng khoán BIDV (BSC). Hiện tại, bà Nga đang theo học thêm Chương trình Kế toán Công chứng Anh Quốc (ACCA).



BÀ TRẦN THỊ THU TÂM - GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ TP HCM (DIRECTOR)

Bà Trần Thị Thu Tâm gia nhập MSBS từ tháng 4 năm 2014 với tư cách Giám đốc Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư Phía Nam. Bà Tâm đã có trên 12 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phân tích và tư vấn tài chính, chứng khoán. Bà Tâm đã phụ trách nhiều dự án tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp, tư vấn niêm yết và tư vấn tái cấu trúc... trong lĩnh vực hàng tiêu dùng, bất động sản, cao su, thủy sản, cảng biển... Trước khi gia nhập MSBS, bà Tâm đã từng đảm nhiệm các vị trí Giám đốc Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS), Giám đốc Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư Phía Nam của Công ty Chứng khoán MB (MBS). Bà Tâm tốt nghiệp loại Giỏi Đại học Kinh tế TPHCM năm 2002 và tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành tài chính doanh nghiệp năm 2006.



BÀ NGUYỄN MAI PHƯƠNG, CFA CHARTER HOLDER PENDING – GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU

Bà Nguyễn Mai Phương là một chuyên gia tài chính với hơn 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư. Trước khi gia nhập MSBS vào tháng 11 năm 2011, bà Phương từng đảm nhiệm vị trí Phó Giám đốc khối Nghiên cứu CTCP Chứng khoán VNDirect (VNDS) với những sản phẩm phân tích có chất lượng cao, phục vụ đắc lực hoạt động Tư vấn đầu tư cho các khách hàng. Bà Phương cũng tham gia hỗ trợ khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư trong một số thương vụ cụ thể.

Bà Phương đã hoàn thành xuất sắc cả 03 level của Chương trình Chuyên viên Phân tích Tài chính Công chứng của Hoa kỳ (CFA) năm 2011 và tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh tại Đại học Queensland, Australia năm 2006.



ÔNG LÊ ĐỨC KHÁNH, TIẾN SĨ – GIÁM ĐỐC CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Ông Lê Đức Khánh hiện là Kinh tế trưởng kiêm Giám đốc Chiến lược Đầu tư, Trung tâm Nghiên cứu của MSBS từ 2011. Ông Khánh đã từng là giảng viên tài chính khóa đào tạo sau đại học trường Đại Học Paris 1 Pantheon-Sorbonne. Trước đó, Ông Khánh là chuyên gia tư vấn tại công ty tư vấn TERA CONSULTANTS (Paris - Pháp). Tại Việt Nam, ông Khánh có kinh nghiệm làm việc tại vị trí trưởng phòng tư vấn chiến lược tại CTCP Viễn thông FPT Telecom và 02 năm kinh nghiệm là chuyên viên phân tích tài chính cao cấp, tư vấn đầu tư và phụ trách sàn giao dịch vàng tại CTCP Chứng khoán Thăng Long (TLS) nay là CTCP Chứng khoán MB (MBS). Ông Khánh là Tiến sĩ khoa học kinh tế tại Đại học Paris 2 – Panthéon – Assas (Pháp).

Với uy tín được đã khẳng định trong cộng đồng nhà đầu tư, ông Khánh thường xuyên tham gia nhận định thị trường trong mục Bản tin chứng khoán của InfoTV và VTV1, cũng như viết bài cho chuyên mục Chứng khoán của các báo (CafeF, Vietstock, VnExpress, Lao Động, Đầu tư chứng khoán, Vietstock, v.v...) với những bình luận sắc sảo, được độc giả đánh giá cao.



ÔNG NGUYỄN PHẠM QUỲNH – GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH MSBS

Ông Nguyễn Phạm Quỳnh là một chuyên gia tài chính với hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Dịch vụ Chứng khoán. Tốt nghiệp khoa Kinh tế đối ngoại trường đại học Ngoại Thương và nhận bằng Diploma trường ESTIH chuyên ngành Tin học quản lý, Ông Quỳnh từng tham dự nhiều khóa học về quản lý và kỹ năng lãnh đạo tại Thụy Điển và Italy. Trước khi gia nhập MSBS từ 2011, ông Quỳnh đã có 07 năm kinh nghiệm tại các công ty chứng khoán hàng đầu như Chứng khoán APEC, Chứng khoán FPT và Chứng khoán Sacombank (SBS).

Từ tháng 06/2013, ông Quỳnh được bổ nhiệm làm Giám đốc Sở Giao dịch MSBS.



BÀ LÊ THỊ QUYÊN – GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI

Bà Lê Thị Quyên gia nhập MSBS từ năm 2014 với cương vị là Giám đốc Kinh doanh phụ trách Chi nhánh Hà Nội. Bà Quyên đã có 19 năm kinh nghiệm về quản lý ngành dịch vụ tài chính, trong đó có 5 năm công tác tại vị trí Giám đốc Khối kinh doanh- Công ty CP Chứng khoán đầu tư Việt Nam (IVS) và nhiều năm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ tại Công ty Prudential Việt Nam.

Bà Quyên tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2005, chuyên ngành Kế toán.



ÔNG NGUYỄN HẢI VÂN CHUNG – GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH TP HCM

Ông Nguyễn Hải Vân Chung gia nhập MSBS từ tháng 7/2013 với cương vị là Giám đốc chi nhánh TP HCM. Ông Chung là một chuyên gia tài chính với trên 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính. Ông Chung có 7 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán tài chính tại các công ty đa quốc gia như Unilever Vietnam, Mitsubishi, Petronas Carigali Vietnam. Gia nhập thị trường chứng khoán từ năm 2006 tại Công ty CP Chứng khoán Thăng Long (TLS), Ông Chung đã kinh qua nhiều vị trí công tác tại hầu hết các mảng công việc từ Khối IB, Phân tích đến Dịch vụ chứng khoán. Ông Chung là một trong những người quan trọng đóng góp đưa thị phần môi giới của chi nhánh TP HCM của TLS đạt những thành tích vượt bậc.

Ông Chung tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Doanh Nghiệp tại ĐH Kinh tế TP HCM và nhận bằng MBA tại ĐH Kinh tế TP HCM. Ông cũng trải qua nhiều khóa tu nghiệp và đào tạo ngắn hạn tại nước ngoài. Ông cũng nhận Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCK Việt Nam cấp.



ÔNG PHAN NGUYỄN HOÀN QUÂN - GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC (ICC)

Ông Phan Nguyễn Hoàn Quân gia nhập MSBS từ tháng 10/2014 với tư cách Trưởng phòng Khách hàng tổ chức, Chi nhánh TP.HCM. Ông Quân có gần 10 năm kinh nghiệm làm việc trong mảng khách hàng tổ chức với các khách hàng định chế tài chính lớn như Citigroup, Deutsche Bank, ABN Amro, JP Morgan, Temasek, Jardines...



BÀ NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG – GIÁM ĐỐC QUẢN TRỊ RỦI RO

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương gia nhập Công ty CP Chứng khoán Maritime Bank ("MSBS") từ 2013 với tư cách là Giám đốc Quản trị Rủi ro. Trước đó, bà Hương có trên 7 năm kinh nghiệm trong thị trường chứng khoán, đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại nhiều CTCK khác nhau như Công ty cổ phần chứng khoán BIDV (BSC), Công ty chứng khoán Tràng An (TAS) và Công ty chứng khoán ECC.

Bà Hương tốt nghiệp khoa Tài Chính Kế Toán tại Đại học Kinh doanh và Công nghệ năm 2005 và hoàn thành các chứng chỉ của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.



ÔNG NGUYỄN QUANG CHUNG – GIÁM ĐỐC CNTT VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Ông Nguyễn Quang Chung gia nhập Công ty CP Chứng khoán Maritime Bank (MSBS) từ tháng 05/2013 với tư cách Giám đốc Công nghệ thông tin và Cơ sở Hạ tầng. Trước đó, Ông Chung đảm nhiệm vị trí Giám đốc CNTT tại các Công ty chứng khoán như Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (2007-2010), Giám đốc dự án Công nghệ thông tin của Công ty CP Chứng khoán Thăng Long (TLS) (2010-2013), nơi ông phụ trách việc xây dựng thay thế hệ thống Core mới của Công ty.

Ông Chung đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT và phụ trách nhiều dự án triển khai tại các định chế tài chính lớn như Ngân hàng Hàng Hải (MSB), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), đặc biệt là các dự án liên quan tới ERP và Giao dịch chứng khoán.



KINH TẾ VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2014

Nền kinh tế Việt Nam năm 2014 đã có những chuyển biến rất tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt trên 5,9% (cao hơn mục tiêu kế hoạch và tốc độ tăng trưởng năm 2013), lạm phát và tỷ giá được kiểm soát tốt, chỉ số giá tiêu dùng tăng, mặt bằng lãi suất giảm, kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng khá (13,6% so với năm 2013) là những dấu ấn tốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Các tín hiệu lạc quan của nền kinh tế đã hỗ trợ thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận những dấu mốc đáng trân trọng. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm, chỉ số VN-Index dừng lại ở mức 545,63 điểm, với mức tăng 8,13% trong năm 2014. Chỉ số HNX-Index đạt 82,98 điểm tăng 22,32%. Giá trị giao dịch trên sàn HOSE gấp 2 lần so với năm 2013 và giá trị giao dịch trên sàn HNX cũng gấp 2,4 lần so với giá trị giao dịch năm trước. Cụ thể, tính chung cho cả hai sàn, tổng khối lượng giao dịch trong năm 2014 đạt trên 47,4 tỷ cổ phiếu, tương ứng giá trị giao dịch là trên 732.579 tỷ đồng (khoảng 34,8 tỷ USD), gấp 1,2 lần giá trị giao dịch của năm 2013.

DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2015

Bước sang năm 2015, theo nghị quyết về kế hoạch kinh tế xã hội năm 2015 được Quốc hội thông qua vào tháng 11/2014 đã ấn định chỉ tiêu tăng trưởng GDP năm 2015 là 6,2%. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu khác cũng được cụ thể: tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%; nhập siêu khoảng 5%; tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 5%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm 30-32% GDP; tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,7-2%, riêng các huyện nghèo giảm 4%; tạo việc làm cho khoảng 1,6 triệu lao động; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50%.

Theo dự báo của các chuyên gia kinh tế, kinh tế vĩ mô năm 2015 sẽ tiếp tục được củng cố; Tăng trưởng GDP sẽ vững chắc và sáng hơn năm 2014; Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục đóng vai trò là động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế; Cải cách trong khu vực doanh nghiệp nhà nước sẽ được đẩy nhanh hơn để đạt chỉ tiêu đề ra; Tăng trưởng tín dụng sẽ nhanh hơn do cơ hội đầu tư và cả điều kiện tín dụng sẽ mở hơn, nhờ đó tạo thêm lực đẩy hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Nợ xấu được kiểm soát và từng bước xử lý linh hoạt trong mục tiêu bảo đảm ổn định hệ thống và từng bước tiếp cận các chuẩn mực và thông lệ chung.

Bên cạnh đó, năm 2015 Việt Nam sẽ sớm thực hiện các cam kết theo các Hiệp định mới ký kết gồm: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc, Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Hải quan Nga-Belarus-Kazakhstan. Đồng thời, tiếp tục đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU, Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) và tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN, qua đó tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy tốc độ tăng trưởng GDP.

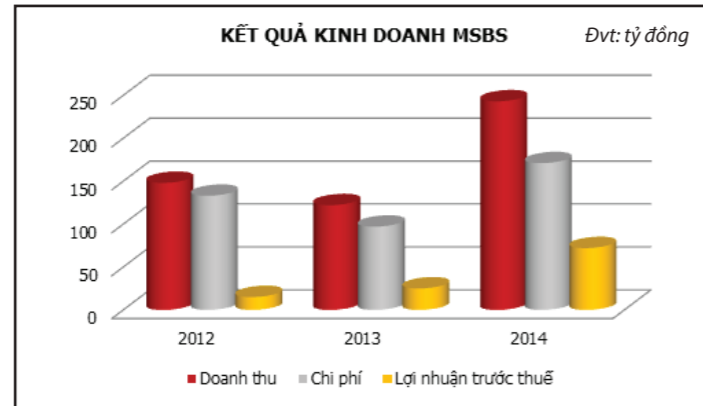
Thị trường chứng khoán năm 2015 được dự báo sẽ bị tác động bởi các điều chỉnh về chính sách như chính thức áp dụng TT36/2014-NHNN, giới hạn dòng vốn từ ngân hàng vào thị trường chứng khoán, các điều chỉnh hành lang pháp lý tại Thông tư 210/2010-BTC quy định về hoạt động của các công ty chứng khoán. Việc điều chỉnh chính sách cũng là cơ hội để các công ty chứng khoán điều chỉnh hoạt động theo hướng minh bạch, chất lượng nhưng cũng là thách thức lớn đối với những công ty chứng khoán nhỏ có vốn điều lệ thấp. Theo đó dòng vốn đầu tư vào thị trường sẽ bị thắt chặt, chi phí vốn tăng cao. Nó cũng là áp lực gây cản trở các quyết định tham gia thị trường chứng khoán của các nhà đầu tư.

Tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn sẽ tiếp tục được triển khai quyết liệt góp phần hỗ trợ công tác huy động vốn và tạo nguồn hàng cho thị trường chứng khoán trong các năm tiếp theo.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2014 VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN

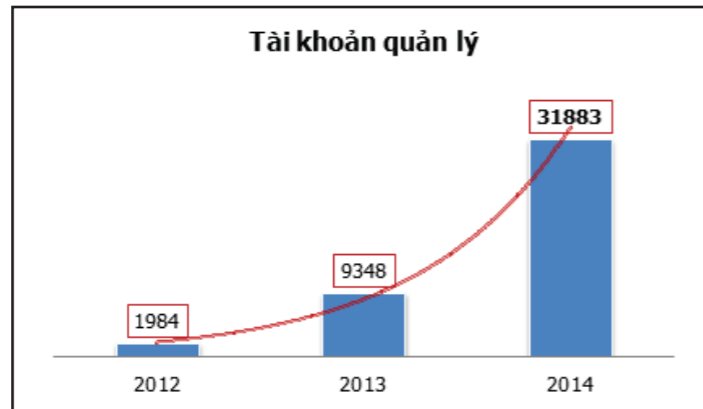
Năm 2014 là một năm có rất nhiều cải thiện đối với nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam. Trên cơ sở những thuận lợi đến từ môi trường kinh doanh cùng với định hướng đúng đắn của HĐQT, Ban Điều hành, MSBS đã hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh. Cụ thể kết thúc năm tài chính 2014, tổng doanh thu của MSBS đạt 243 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt trên 71 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế tăng liên tục trong 3 năm.



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Năm 2014, đánh dấu sự phát triển vượt bậc về quy mô kinh doanh mảng Dịch vụ chứng khoán. Cụ thể:

- Số lượng tài khoản vượt ngưỡng 30.000 tài khoản. Với số lượng tài khoản tăng trưởng mạnh MSBS được **HSX vinh danh là Công ty chứng khoán có số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tăng trưởng tốt nhất 2014**. Thành công này thể hiện uy tín và thương hiệu của MSBS đối với Khách hàng và các Nhà đầu tư. Ngày càng có nhiều Khách hàng quan tâm, biết đến và sử dụng các dịch vụ có chất lượng của Công ty.



- Thị phần đạt 2,5%, đứng vị trí 15 tính theo giá trị trên cả 2 SGD chứng khoán HSX và HNX. Với định hướng chiến lược đúng đắn, tốc độ tăng trưởng thị phần của MSBS đạt trên 300% so với năm 2013.
- Các sản phẩm mới đã góp phần nâng cao sức cạnh tranh của MSBS. Trong năm 2014, MSBS đã ra mắt rất nhiều sản phẩm mới nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng. Một số sản phẩm kết nối với ngân hàng chính là điểm nhấn và thế mạnh của MSBS trong năm qua bao gồm:
 - Hoàn thành việc tách bạch hoàn toàn tài khoản nhà đầu tư thông qua việc kết nối với Ngân hàng BIDV, đáp ứng yêu cầu của UBCK cũng như tạo niềm tin đối với khách hàng có nhu cầu.
 - Hoàn thành việc kết nối chuyển tiền 2 chiều theo thời gian thực "real time" và 24/7 với 2 ngân hàng lớn BIDV và Vietcombank nhằm tạo điều kiện thuận lợi giao dịch tiền cho các khách hàng.
 - Hoàn thành việc tách bạch số dư tài khoản tiền giữa MSBS và MSB, theo đó khách hàng quản lý tài khoản tiền tại Ngân hàng MSB nhưng vẫn dùng được các sản phẩm đòn bẩy tài chính. Đây là một sản phẩm sáng tạo, độc đáo trên thị trường đáp ứng đồng thời nhu cầu tách bạch tài khoản và nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính.

- Năm 2014, công ty đã khai trương Chi nhánh Hà Nội địa chỉ Tầng 9, Tòa nhà 30-4 Tower, 115 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội nhằm tạo điều kiện cho các khách hàng tại các quận trung tâm Thủ đô.
- Để mở rộng mảng khách hàng nước ngoài và tổ chức, MSBS đã khai trương Trung tâm Khách hàng Tổ chức (ICC) tại Chi nhánh TP HCM nhằm phục vụ các khách hàng định chế tài chính, các quỹ đầu tư và các cá nhân nước ngoài.

Mục tiêu của MSBS năm 2015 là hướng tới mục tiêu lọt vào Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên thị trường. Đồng thời, năm 2015 mục tiêu của MSBS sẽ mở thêm 24.000 tài khoản và nâng tổng số tài khoản quản lý của công ty lên tới 56.000 tài khoản (tăng 83% so với 2014). Ban điều hành cũng rất tâm huyết với kế hoạch hành động trọng điểm trong năm 2015 của nghiệp vụ môi giới như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng thị phần môi giới ở tất cả các nhóm khách hàng: khách hàng cá nhân trong nước, khách hàng cá nhân nước ngoài, khách hàng tổ chức.
- Tuyển dụng và chuẩn hóa đội ngũ nhân sự đảm bảo tính chuyên nghiệp, chú trọng vào đạo đức nghề nghiệp
- Liên tục cải tiến nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ theo hướng hiện đại, đáp ứng một cách nhanh nhất và tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- Phát triển và cải tiến mạnh mẽ các sản phẩm điện tử, luôn đi đầu ứng dụng những công nghệ mới.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Năm 2014, đánh dấu sự phát triển vượt bậc về thành tích Tư vấn Dịch vụ IB. Cụ thể:

- MSBS huy động thông qua tư vấn, dựng sổ, bảo lãnh phát hành cho trên 12 ngàn tỷ đồng vốn trái phiếu cho các doanh nghiệp.
- Khai trương Trung tâm Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IBD) tại TP HCM nhằm cung cấp các sản phẩm tư vấn tài chính có chất lượng cao cho các khách hàng doanh nghiệp và tạo hàng trên thị trường sơ cấp.

MSBS cam kết mang đến cho khách hàng các dịch vụ ngân hàng đầu tư tốt nhất, đa dạng và chuyên nghiệp nhất bao gồm:

- Tư vấn phát hành cổ phiếu;
- Tư vấn phát hành trái phiếu; và
- Tư vấn M&A.

Trong các dịch vụ trên MSBS sẽ tập trung vào các dịch vụ đồng bộ nhằm đem lại giá trị gia tăng cao cho khách hàng cũng như công ty. Kế hoạch năm 2015, các sản phẩm bảo lãnh phát hành, tư vấn tái cấu trúc, tư vấn M&A ... sẽ là điểm nhấn của hoạt động Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư.

Hoạt động mở rộng, liên kết với khách hàng, đối tác sẽ không ngừng được triển khai đặc biệt là các tổ chức, tập đoàn lớn có uy tín trên thị trường nhằm thúc đẩy hơn nữa mảng dịch vụ này phát triển.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Hoạt động đầu tư của MSBS chú trọng vào danh mục các cổ phiếu niêm yết. Năm 2014, công ty chú trọng vào việc cấu trúc danh mục đảm sự cân đối giữa danh mục đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Ban Đầu tư đã thực hiện tốt nguyên tắc đầu tư và quản trị rủi ro. Công tác đánh giá danh mục và nhận định thị trường được thực hiện hàng tuần đảm bảo sự linh hoạt và kịp thời trong việc điều chỉnh danh mục đầu tư phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

Hoạt động Đầu tư tự doanh năm 2015 được định hướng tăng cường quản lý lợi nhuận đến từng nhân viên đầu tư, tận dụng tối đa và chuẩn xác các cơ hội thị trường nhằm tăng tỷ suất lợi nhuận cho MSBS. Bên cạnh đó, hạn mức đầu tư và giải ngân sẽ nâng lên phù hợp với tình hình thị trường trong từng thời kỳ.

HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Công nghệ thông tin cũng là một trong các thế mạnh của MSBS. Trong năm 2014, Công ty đã không ngừng đầu tư nâng cấp và hoàn thiện các báo cáo trên phần mềm FLEX để đáp ứng tối đa nhu cầu xử lý công việc của công ty cũng như phục vụ giao dịch cho các nhà đầu tư. Năm 2015, MSBS sẽ tiếp tục đầu tư vào các công nghệ hiện đại, tách bạch cấu phần front và back của phần mềm FLEX nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng công nghệ thông minh của khách hàng và tăng trưởng quy mô kinh doanh công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi các Kiểm toán viên độc lập.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank được thành lập theo Quyết định số 77/UBCK-GPHĐKD ngày 11/06/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tên gọi lúc thành lập là Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 371/UBCK-GP ngày 22/11/2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Giấy phép số 381/UBCK-GP ngày 31/12/2010 về việc tăng vốn điều lệ, Giấy phép số 09/GPĐC-UBCK ngày 27/01/2011 về việc thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh, Giấy phép số 25/GPĐC-UBCK ngày 08/04/2011 về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính, Quyết định số 401/QĐ-UBCK ngày 02/07/2013 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 379/QĐ-UBCK ngày 26/05/2014 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép là 300.000.000.000 đồng.

Công ty có Trụ sở chính tại Tầng 1&3, Tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Thành phần Hội đồng Quản trị

| | | |
|------------------------|------------|----------------------------|
| Ông Lê Đình Ngọc | Chủ tịch | |
| Ông Nguyễn Trung Dũng | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Đức Hoàn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/01/2014 |
| Ông Nguyễn Thanh Dương | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 21/01/2014 |

Thành phần Ban kiểm soát

| | | |
|------------------------|------------|----------------------------|
| Bà Hà Thị Bích Hạnh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 05/04/2014 |
| Bà Nguyễn Thị Minh Lan | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05/04/2014 |
| Ông Nguyễn Thành Nam | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 07/01/2015 |
| Bùi Thị Bích Thảo | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/01/2015 |

Thành phần Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Giám đốc và kế toán trưởng đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

| | |
|-----------------------|----------------|
| Ông Mạc Quang Huy | Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thanh Huyền | Kế toán trưởng |

Các hoạt động chính của Công ty

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014, hoạt động chính của Công ty là Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán và Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cho phép.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 25.

Trong đó, kết quả kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

| | |
|--------------------------------------|--------------------|
| | (Đơn vị tính: VNĐ) |
| - Doanh thu | 243.204.048.454 |
| - Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 57.972.862.010 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu trong các Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã được lựa chọn là kiểm toán viên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, kết quả kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Ban Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Mạc Quang Huy



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank**



Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank, được lập vào ngày 10/03/2015 từ trang 05 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán đối với các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày tài chính không có sai sót trọng yếu do Gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này Kiểm toán viên đã xem xét kiểm toán nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc lựa chọn cũng như đánh giá tổng thể việc trình bày Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty Chứng khoán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Đại diện Công ty TNHH Kiểm toán BDO



Phạm Tiến Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số đăng ký hành nghề: 0752-2013-038-1

Trần Thị Như Phương
Kiểm toán viên
Số đăng ký hành nghề: 2293-2013-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Đơn vị tính: VNĐ | |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU KỲ |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.365.522.701.869 | 982.386.666.853 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 226.226.252.763 | 162.480.853.987 |
| 1. Tiền | 111 | | 224.626.252.763 | 162.480.853.987 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 1.600.000.000 | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.03 | 332.560.889.027 | 197.840.158.390 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 334.638.996.227 | 197.857.985.620 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | (2.078.107.200) | (17.827.230) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 805.765.700.865 | 620.576.042.014 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.12 | 90.144.128 | 25.000.000 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.12 | 563.147.517 | 30.000.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 134 | V.12 | 449.760.015.016 | 199.495.287.725 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.12 | 355.390.558.815 | 421.063.918.900 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (38.164.611) | (38.164.611) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 969.859.214 | 1.489.612.462 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 802.800.124 | 158.199.489 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.12 | - | 1.242.919.298 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 167.059.090 | 88.493.675 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 122.464.660.348 | 121.012.828.592 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 5.946.332.368 | 6.726.649.424 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.04 | 159.093.635 | 268.330.256 |
| - Nguyên giá | 222 | | 5.293.877.081 | 5.371.985.881 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (5.134.783.446) | (5.103.655.625) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.05 | 5.787.238.733 | 6.458.319.168 |
| - Nguyên giá | 228 | | 8.377.551.248 | 7.433.440.298 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (2.590.312.515) | (975.121.130) |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 3. Đầu tư chứng khoán dài hạn | 252 | V.03 | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 |
| 4. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | - | - |
| 5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 3.348.665.831 | 2.013.893.019 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.06 | 2.403.627.927 | 1.377.291.446 |
| 2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán | 263 | V.07 | 930.037.904 | 621.601.573 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 15.000.000 | 15.000.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.487.987.362.217 | 1.103.399.495.445 |

BDO Audit Services Co., Ltd, a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guar and forms part of the International BDO network of independent member firms. BDO is the brand name for the BDO International network and for each of the BDO Member



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| (Tiếp theo) | Đơn vị tính: VNĐ | | | |
|--|------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU KỲ |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.067.859.254.539 | 740.493.070.008 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 512.862.804.539 | 270.493.070.008 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | IV.6 | 146.000.000.000 | 94.396.450.000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 63.269.800 | 52.289.800 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 271.000.000 | 15.147.550.000 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.08 | 5.794.156.451 | 399.560.018 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 7.172.732.243 | 790.771.135 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.09 | 128.785.767.200 | 106.500.451.041 |
| 8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.10 | 53.554.461.796 | 4.541.160.108 |
| 9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 320 | V.11 | 163.718.707.634 | 46.012.285.885 |
| 10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi chứng khoán | 321 | | 1.820.325 | - |
| 11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán | 322 | | 6.134.057.300 | 1.991.600.000 |
| 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 323 | | 1.366.831.790 | 660.952.021 |
| 15. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 328 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 554.996.450.000 | 470.000.000.000 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | IV.6 | 554.996.450.000 | 470.000.000.000 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 420.128.107.678 | 362.906.425.437 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 420.128.107.678 | 362.906.425.437 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | 829.890.870 | 829.890.870 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 5.401.097.894 | 2.897.890.870 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 113.897.118.914 | 59.178.643.697 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.487.987.362.217 | 1.103.399.495.445 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Đơn vị tính: VNĐ | | | |
|--|-------------|-------------------|-------------------|
| CHỈ TIÊU | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU KỲ |
| 1. Tài sản cố định thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ | | - | - |
| 6. Chứng khoán lưu ký | | | |
| Trong đó: | | | |
| 6.1. Chứng khoán giao dịch | | 3.197.486.180.000 | 2.018.184.740.000 |
| 6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | | 19.897.920.000 | 19.322.010.000 |
| 6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước | | 3.177.588.260.000 | 1.998.862.730.000 |
| 6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài | | - | - |
| 6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch | | 4.506.100.000 | 50.000.000 |
| 6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký | | - | - |
| 6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước | | 4.506.100.000 | 50.000.000 |
| 6.3. Chứng khoán cầm cố | | - | - |
| 6.3.2. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký | | 118.100.390.000 | 124.576.570.000 |
| 6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước | | 45.460.470.000 | 227.477.630.000 |
| 6.5. Chứng khoán chờ thanh toán | | 111.409.220.000 | 27.576.120.000 |
| 6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký | | - | 4.000.000.000 |
| 6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước | | 111.409.220.000 | 23.576.120.000 |
| 6.7. Chứng khoán chờ giao dịch | | 2.245.470.000 | 101.578.570.000 |
| 6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký | | - | - |
| 6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước | | 2.245.470.000 | 101.578.570.000 |
| 7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết | | - | - |
| Trong đó: | | | |
| 7.1. Chứng khoán giao dịch | | 7.233.410.000 | 3.804.200.000 |
| 7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | | - | - |
| 7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng | | 7.233.410.000 | 3.804.200.000 |
| 9. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty chứng khoán | | - | - |

Kế toán trưởng

 Nguyễn Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015
 Tổng Giám đốc


 Mạc Quang Huy



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Đơn vị tính: VNĐ | |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
| 1. Doanh thu | 01 | | 243.204.048.454 | 122.108.081.963 |
| Trong đó: | | | | |
| - Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 01.1 | | 37.609.219.148 | 4.894.822.107 |
| - Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 01.2 | | 49.219.194.273 | 61.376.258.777 |
| - Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán | 01.3 | | 96.927.136.391 | 1.500.000.000 |
| - Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán | 01.4 | | - | - |
| - Doanh thu hoạt động tư vấn | 01.5 | | 5.843.440.910 | 1.655.249.998 |
| - Doanh thu lưu ký chứng khoán | 01.6 | | - | - |
| - Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá | 01.7 | | - | - |
| - Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản | 01.8 | | - | - |
| - Doanh thu khác | 01.9 | | 53.605.057.732 | 52.681.751.081 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh | 10 | | 243.204.048.454 | 122.108.081.963 |
| 4. Chi phí hoạt động kinh doanh | 11 | | 157.900.336.009 | 85.525.436.182 |
| 5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh | 20 | | 85.303.712.445 | 36.582.645.781 |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 13.748.976.771 | 9.989.854.682 |
| 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 71.554.735.674 | 26.592.791.099 |
| 8. Thu nhập khác | 31 | | 16.356.724 | 1.572.658 |
| 9. Chi phí khác | 32 | | 6.551.864 | 1.377.214.064 |
| 10. Lợi nhuận khác | 40 | | 9.804.860 | (1.375.641.406) |
| 11. Tổng lợi nhuận trước thuế | 50 | | 71.564.540.534 | 25.217.149.693 |
| 12. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.13 | 13.591.678.524 | 148.634.228 |
| 13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 14. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 57.972.862.010 | 25.068.515.465 |
| 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.14 | 1.932 | 836 |

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015
Tổng Giám đốc

Mạc Quang Huy



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Đơn vị tính: VNĐ | |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 71.564.540.534 | 25.217.149.693 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ | 02 | | 1.724.428.006 | 1.692.888.991 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 2.060.279.970 | 15.759.700 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 5 | | (44.140.888.824) | (62.593.855.820) |
| - Chi phí lãi vay | 6 | | 48.181.838.919 | 67.923.165.838 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 79.390.198.605 | 32.255.108.402 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (184.025.304.968) | (140.574.401.064) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | - | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 174.266.646.321 | 28.861.266.028 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (1.670.937.116) | (904.175.402) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (27.139.115.930) | (11.996.242.572) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | (6.130.776.610) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | - | (15.000.000) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (14.039.187.593) | (1.002.762.846) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 20.651.522.709 | (93.376.207.454) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (944.110.950) | (6.476.212.442) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | | 14.040.000 | 1.363.636 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (156.920.000.000) | (17.533.561.570) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 6.000.000.000 | 99.522.803.167 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (50.474.458.854) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 14.138.989.393 | 59.651.736.377 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 44.204.957.624 | 96.603.051.939 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (93.506.123.933) | 181.294.722.253 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 376.996.450.000 | - |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (240.396.450.000) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 136.600.000.000 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 63.745.398.776 | 87.918.514.799 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 162.480.853.987 | 74.562.339.188 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | | 226.226.252.763 | 162.480.853.987 |

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015
Tổng Giám đốc

Mạc Quang Huy





BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VNĐ

| Nội dung | Thuyết minh | Số dư đầu kỳ | Số tăng, giảm | | Số dư cuối kỳ |
|------------------------------------|-------------|------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|
| | | | Tăng | Giảm | |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | VII.15 | 300.000.000.000 | - | - | 300.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | | - | - | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | | 829.890.870 | - | - | 829.890.870 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | | - | - | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | - | - | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | - | - | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | | - | - | - | - |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | | 2.897.890.870 | 2.503.207.024 | - | 5.401.097.894 |
| 9. Lợi nhuận chưa phân phối | | 59.178.643.697 | 57.972.862.010 | 3.254.386.793 | 113.897.118.914 |
| Tổng | | 362.906.425.437 | 60.476.069.034 | 3.254.386.793 | 420.128.107.678 |

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc

Mạc Quang Huy





ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank được thành lập theo Quyết định số 77/UBCK-GPHĐKD ngày 11/06/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tên gọi lúc thành lập là Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 371/UBCK-GP ngày 22/11/2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Giấy phép số 381/UBCK-GP ngày 31/12/2010 về việc tăng vốn điều lệ, Giấy phép số 09/GPĐC-UBCK ngày 27/01/2011 về việc thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh, Giấy phép số 25/GPĐC-UBCK ngày 08/04/2011 về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính, Quyết định số 401/QĐ-UBCK ngày 02/07/2013 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 379/QĐ-UBCK ngày 26/05/2014 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép là 300.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1&3, Tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đến ngày 31/12/2014, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 98 người.

NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ được Công ty sử dụng để ghi số kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VNĐ).

CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009, Thông tư số 162/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính: nguyên tắc giá gốc.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các Quyết định và Thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày hiệu lực hợp đồng.

3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản với tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

| Loại tài sản cố định: | Thời gian (năm) |
|-----------------------|-----------------|
| Máy móc thiết bị | 04 - 08 |
| Thiết bị quản lý | 03 - 08 |
| Phần mềm máy tính | 03 - 08 |

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp xác định giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra: Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

- Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết được trích lập cho từng loại chứng khoán tự doanh đã niêm yết có giá khấp lênh tại thời điểm kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của kỳ kế toán thấp hơn so với giá trên sổ kế toán.
- Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết do không thu thập được thông tin đáng tin cậy về giá các loại chứng khoán này tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty các loại chứng khoán này không giảm giá trị so với thời điểm đơn vị đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản đã tính trước vào chi phí kinh doanh của Công ty trong kỳ, nhưng chưa thực chi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như khoản lãi vay phải trả đối với các hợp đồng vay vốn, lãi trái phiếu phát hành chưa chi trả. Phần chênh lệch giữa thực tế phát sinh và số đã trích lập sẽ được ghi bổ sung hoặc giảm chi phí tương ứng vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Vay ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là khoản vay của từ ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, với thời hạn vay là 12 tháng, nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khoản vay dài hạn là khoản vay của ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, với thời hạn vay trên 12 tháng, nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, số dư tại thời điểm 31/12/2014 là 84.996.450.000 đồng. Khoản nợ dài hạn là giá trị trái phiếu 470.000.000.000 đồng, phát hành ngày 13/04/2011 cho trái chủ sơ cấp là Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, kỳ hạn trái phiếu 3 năm và được gia hạn thêm 2 năm với mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh của Công ty. Tại thời điểm báo cáo, lãi suất áp dụng cho khoản trái phiếu này từ 6,6%/năm đến 8,1%/năm và được điều chỉnh 3 tháng một lần theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Hàng Hải.



CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu: Là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông đóng góp cổ phần tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành. Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng lên giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu và tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lãi (lỗ) lũy kế từ các hoạt động kinh doanh của Công ty đến thời điểm báo cáo.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong kỳ tài chính được ghi nhận đầy đủ theo đúng Chuẩn mực Kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”. Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán; Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn; Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán; Doanh thu hoạt động tư vấn; Doanh thu lưu ký chứng khoán; Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản và Doanh thu khác. Phương pháp xác định như sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư, doanh thu này được xác định vào cuối mỗi ngày;
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn là khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của Công ty (được ghi nhận khi khớp lệnh thành công đối với cổ phiếu niêm yết và chuyển quyền sở hữu cổ phần cho người mua đối với cổ phiếu chưa niêm yết), thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu;
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán được xác định khi thực hiện quyết toán với tổ chức phát hành hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Doanh thu hoạt động tư vấn là số phí Công ty thu từ việc tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư và tư vấn khác của Công ty đã thực hiện trong kỳ tài chính;
- Doanh thu lưu ký chứng khoán là số phí Công ty thu từ các hoạt động lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư;
- Doanh thu khác bao gồm: lãi tiền gửi, tiền lãi các hoạt động đầu tư khác.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hoạt động môi giới chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp chịu thuế GTGT 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN): 22%

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
|--|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | - | - |
| Tiền gửi ngân hàng | 223.746.496.515 | 157.370.232.334 |
| Trong đó: | | |
| - Tiền ký quỹ của nhà đầu tư | 163.718.707.634 | 43.019.245.885 |
| Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán | 879.756.248 | 5.110.621.653 |
| Các khoản tương đương tiền | 1.600.000.000 | - |
| Tổng cộng | 226.226.252.763 | 162.480.853.987 |

2 Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

| Chỉ tiêu | KLGD thực hiện trong năm (cổ phiếu) | Giá trị KLGD thực hiện trong năm |
|-----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|
| a. Của công ty chứng khoán | | |
| - Cổ phiếu | 27.139.210 | 547.786.247.000 |
| - Trái phiếu | - | - |
| - Chứng khoán khác | - | - |
| b. Của nhà đầu tư | | |
| - Cổ phiếu | 1.866.323.805 | 37.354.746.536.100 |
| - Trái phiếu | - | - |
| - Chứng khoán khác | - | - |
| Cộng | 1.893.463.015 | 37.902.532.783.100 |



THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

3. Tình hình đầu tư tài chính

| Chỉ tiêu | Số lượng CK | | Giá trị theo số kế toán | | So với giá thị trường | | | | Tổng giá trị theo giá thị trường | |
|---------------------------------------|-------------|------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|---------------|---------------|------------|----------------------------------|-----------------|
| | Cuối kỳ | Đầu kỳ | Cuối kỳ | Đầu kỳ | Tăng | | Giảm | | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
| | | | | | Cuối kỳ | Đầu kỳ | Cuối kỳ | Đầu kỳ | | |
| A. Đầu tư ngắn hạn | 16.489.536 | 18.558.518 | 334.638.996.227 | 197.857.985.620 | 16.923.899.970 | 9.060.349.760 | 2.078.107.200 | 17.827.230 | 349.484.788.997 | 206.900.508.150 |
| I. Chứng khoán thương mại | 16.489.536 | 18.558.518 | 183.718.996.227 | 197.857.985.620 | 16.923.899.970 | 9.060.349.760 | 2.078.107.200 | 17.827.230 | 198.564.788.997 | 206.900.508.150 |
| Cổ phiếu niêm yết | 13.799.797 | 14.481.257 | 170.159.646.280 | 176.687.395.670 | 16.923.899.970 | 9.060.349.760 | 2.078.107.200 | 17.827.230 | 185.005.439.050 | 185.729.918.200 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 2.689.739 | 4.077.261 | 13.559.349.947 | 21.170.589.950 | - | - | - | - | 13.559.349.947 | 21.170.589.950 |
| Trái phiếu | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| II. Đầu tư tài chính khác (*) | - | - | 150.920.000.000 | - | - | - | - | - | 150.920.000.000 | - |
| B. Đầu tư dài hạn | 13.618.962 | 13.594.962 | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 | - | - | - | - | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 |
| I. Chứng khoán đầu tư | 13.618.962 | 13.594.962 | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 | - | - | - | - | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 |
| <i>I. Chứng khoán sẵn sàng để bán</i> | 13.618.962 | 13.594.962 | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 | - | - | - | - | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 |
| <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i> | 13.618.962 | 13.594.962 | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 | - | - | - | - | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 |
| II. Đầu tư dài hạn khác | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |

(*) Đây là tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

4 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện VT, truyền dẫn | Tài sản cố định hữu hình khác | Tổng cộng |
|-------------------------------|------------------------|----------------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | - | 5.371.985.881 | - | - | 5.371.985.881 |
| - Mua trong kỳ | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý tài sản | - | (78.108.800) | - | - | (78.108.800) |
| Số dư cuối kỳ | - | 5.293.877.081 | - | - | 5.293.877.081 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | - | 5.103.655.625 | - | - | 5.103.655.625 |
| - Khấu hao trong kỳ | - | 109.236.621 | - | - | 109.236.621 |
| - Giảm khác | - | (78.108.800) | - | - | (78.108.800) |
| Số dư cuối kỳ | - | 5.134.783.446 | - | - | 5.134.783.446 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày đầu kỳ | - | 268.330.256 | - | - | 268.330.256 |
| Tại ngày cuối kỳ | - | 159.093.635 | - | - | 159.093.635 |

5 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | Quyền phát hành | Bản quyền bằng | Phần mềm máy tính | Tổng cộng |
|-------------------------------|-------------------|-----------------|----------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | - | - | - | 7.433.440.298 | 7.433.440.298 |
| - Mua trong kỳ | - | - | - | 944.110.950 | 944.110.950 |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | - | - | - | 8.377.551.248 | 8.377.551.248 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | - | - | - | 975.121.130 | 975.121.130 |
| - Khấu hao trong kỳ | - | - | - | 1.615.191.385 | 1.615.191.385 |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | - | - | - | 2.590.312.515 | 2.590.312.515 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày đầu kỳ | - | - | - | 6.458.319.168 | 6.458.319.168 |
| Tại ngày cuối kỳ | - | - | - | 5.787.238.733 | 5.787.238.733 |

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

| | | |
|--|------------------------|------------------------|
| 6. Chi phí trả trước dài hạn | Cuối năm | Đầu năm |
| Giá trị còn lại của CCDC xuất dùng | 1.450.638.954 | 598.919.074 |
| Chi phí sửa chữa chờ phân bổ | 952.988.973 | 778.372.372 |
| Tổng cộng | 2.403.627.927 | 1.377.291.446 |
| 7. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán | Cuối năm | Đầu năm |
| Số đầu kỳ | 621.601.573 | 339.503.531 |
| Tiền nộp bổ sung | 308.436.331 | 282.098.042 |
| Số cuối kỳ | 930.037.904 | 621.601.573 |
| 8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | Cuối năm | Đầu năm |
| Thuế GTGT | 121.609.804 | 97.419.092 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.837.305.010 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.835.241.637 | 302.140.926 |
| Tổng cộng | 5.794.156.451 | 399.560.018 |
| 9. Chi phí phải trả | Cuối năm | Đầu năm |
| Lãi vay phải trả | 4.948.573.389 | 20.853.232.115 |
| Lãi trái phiếu phải trả | 121.744.250.000 | 85.332.027.773 |
| Chi phí phải trả khác | 2.092.943.811 | 315.191.153 |
| Tổng cộng | 128.785.767.200 | 106.500.451.041 |
| 10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | Cuối năm | Đầu năm |
| Kinh phí công đoàn | 112.401.178 | 35.480.178 |
| Bảo hiểm xã hội, y tế và bảo hiểm thất nghiệp | 54.183.116 | 75.086.942 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 53.387.877.502 | 4.430.592.988 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Khách hàng đặt cọc môi giới chứng khoán</i> | 24.847.144.000 | - |
| <i>Phải trả hệ cổ tức cho cổ đông Ngân hàng Hàng Hải</i> | 3.038.705.701 | 3.436.188.836 |
| <i>Đặt cọc mua chứng khoán Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát</i> | 16.000.000.000 | - |
| Tổng cộng | 53.554.461.796 | 4.541.160.108 |
| 11. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | Cuối năm | Đầu năm |
| Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của Công ty chứng khoán | - | 2.993.040.000 |
| Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư | 112.312.304.000 | 21.047.040.900 |
| Nhận ký cược, ký quỹ của nhà đầu tư | 51.406.403.634 | 21.972.204.985 |
| Tổng cộng | 163.718.707.634 | 46.012.285.885 |

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

12. Các khoản phải thu

| Chi tiêu | Số đầu kỳ | | | Phát sinh trong năm | | Số cuối kỳ | | | |
|--|------------------------|-------------------|-------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | Tổng số | Số quá hạn | Số khó đòi | Tăng | Giảm | Tổng số | Số quá hạn | Số khó đòi | DP đã lập |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 25.000.000 | | 25.000.000 | 259.566.921 | 254.422.793 | 30.144.128 | | 25.000.000 | 25.000.000 |
| 2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 199.495.287.725 | 13.164.611 | 13.164.611 | 13.431.526.907.533 | 13.181.262.180.242 | 449.760.015.016 | 13.164.611 | 13.164.611 | 13.164.611 |
| - Phải thu của Sở GDCK | 3.735.000.000 | - | - | 46.124.649.600 | 49.859.649.600 | - | - | - | - |
| - Phải thu của khách hàng về GDCK | 195.760.287.725 | 13.164.611 | 13.164.611 | 13.385.402.257.933 | 13.131.402.530.642 | 449.760.015.016 | 13.164.611 | 13.164.611 | 13.164.611 |
| - Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 3. Thuế GTGT được khấu trừ | | | | | | | | | |
| 4. Phải thu nội bộ | | | | | | | | | |
| 5. Phải thu khác | 422.336.838.198 | | | 259.296.619.847 | 325.679.751.713 | 355.953.706.332 | | | |
| - Trả trước tiền cho người bán | 30.000.000 | - | - | 1.242.199.699 | 709.052.182 | 563.147.517 | - | - | - |
| - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 1.242.919.298 | - | - | - | 1.242.919.298 | - | - | - | - |
| - Phải thu khác (*) | 421.063.918.900 | - | - | 258.054.420.148 | 323.727.780.233 | 355.390.558.815 | - | - | - |

(*) Chi tiết khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2014:

| | Số tiền |
|---|------------------------|
| Phải thu về lãi đầu tư, lãi dự thu cho vay ký quỹ | 82.075.665.855 |
| Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư | 251.070.000.000 |
| Phải thu khác | 22.134.463.382 |
| Phải trả khác (Dư Nợ) | 110.429.578 |
| Cộng | 355.390.558.815 |





THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

13 Chi phí thuế TNDN hiện hành

| | Kỳ này |
|--|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 71.564.540.534 |
| Các khoản điều chỉnh giảm lợi thu nhập chịu thuế | (10.517.112.787) |
| - <i>Cổ tức được chia</i> | (10.517.112.787) |
| - <i>Chuyển lỗ kỳ trước</i> | - |
| Các khoản không được trừ khi tính thuế TNDN | 732.926.363 |
| Thu nhập chịu thuế trong kỳ | 61.780.354.110 |
| Thuế suất thuế TNDN | 22% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 13.591.678.524 |

14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Kỳ này |
|---|----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 57.972.862.010 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 57.972.862.010 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 30.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.932 |

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

15 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu cuối kỳ

| | Số vốn góp | Tỷ lệ sở hữu |
|---|------------------------|--------------|
| Công ty CP Quản lý quỹ Tín Phát | 32.997.500.000 | 11,00% |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ Tầng Nam Đức | 28.525.000.000 | 9,51% |
| Công ty TNHH Bất Động Sản MSB | 26.302.500.000 | 8,77% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển VID Thanh Hóa | 20.457.500.000 | 6,82% |
| Bà Hà Thị Bích Hạnh | 26.676.000.000 | 8,89% |
| Ông Trần Phi Hạnh | 27.000.000.000 | 9,00% |
| Ông Nguyễn Thanh Dương | 25.050.000.000 | 8,35% |
| Ông Bùi Đình Chiên | 27.000.000.000 | 9,00% |
| Các cổ đông khác sở hữu dưới 5% | 85.991.500.000 | 28,66% |
| Cộng | 300.000.000.000 | 100% |

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức chia lợi nhuận

| a | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|
| Chỉ tiêu | | |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| + <i>Vốn góp đầu năm</i> | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| + <i>Vốn góp tăng trong năm</i> | - | - |
| + <i>Vốn góp giảm trong năm</i> | - | - |
| + <i>Vốn góp cuối năm</i> | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b Cổ phiếu

| | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
|--|----------------|----------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành (cổ phiếu) | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra (cổ phiếu) | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)</i> | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu) | - | - |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu) | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)</i> | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| * Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng | | |

c Chi tiết phân phối lợi nhuận trong năm 2014

| | Số tiền |
|---|----------------------|
| Trích lập quỹ khen thưởng | 500.786.461 |
| Trích lập quỹ phúc lợi | 250.393.308 |
| Trích quỹ dự phòng tài chính | 1.251.603.512 |
| Trích quỹ dự trữ theo điều lệ của Công ty | 1.251.603.512 |
| Cộng | 3.254.386.793 |

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Giao dịch với bên có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt năm 2014 như sau:

| Nội dung | Số tiền |
|-----------------|----------------|
| - Tiền lương | 2.852.029.989 |
| - Thù lao | 244.666.108 |

Giao dịch với Công ty CP Quản lý Quỹ Tín Phát

| Nội dung | Số tiền |
|--------------------------------------|----------------|
| Chuyển tiền môi giới chứng khoán | 36.000.000.000 |
| Chi phí đặt cọc môi giới chứng khoán | 163.888.890 |

2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận của Công ty được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực môi giới: Là các hoạt động về môi giới mua bán chứng khoán cho nhà đầu tư.
- Lĩnh vực tự doanh: Là các hoạt động mua bán chứng khoán trên thị trường của Công ty.
- Lĩnh vực kinh doanh vốn: Chủ yếu là thu lãi từ việc hợp tác kinh doanh, cho nhà đầu tư ứng trước tiền bán...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:



NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2.1 Kết quả kinh doanh, tài sản cố định, tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

| Kỳ này | Môi giới | Kinh doanh nguồn vốn | Đầu tư | Tư vấn, bảo lãnh và lĩnh vực khác | Cộng |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 37.609.219.148 | 80.294.501.068 | 22.529.750.937 | 102.770.577.301 | 243.204.048.454 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 37.609.219.148 | 80.294.501.068 | 22.529.750.937 | 102.770.577.301 | 243.204.048.454 |
| Chi phí bộ phận | 36.340.488.672 | 56.154.726.741 | 17.693.240.231 | 47.711.880.365 | 157.900.336.009 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 1.268.730.476 | 24.139.774.327 | 4.836.510.706 | 55.058.696.936 | 85.303.712.445 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 13.748.976.771 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 71.554.735.674 |
| Thu nhập khác | | | | | 16.356.724 |
| Chi phí khác | | | | | 6.551.864 |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | | | | | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | 13.591.678.524 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 57.972.862.010 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | | | |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | | | |





NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2.2 Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VNĐ

| | Môi giới | Kinh doanh nguồn vốn | Đầu tư | Tư vấn, bảo lãnh và lĩnh vực khác | Cộng |
|--|-----------------|----------------------|-----------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 185.211.617.608 | 941.036.056.285 | 294.810.551.176 | 35.000.000 | 1.421.093.225.069 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 334.000.471 | 1.697.012.799 | 531.645.175 | 63.117 | 2.562.721.562 |
| Tài sản không phân bổ cho bộ phận | | | | | 64.331.415.586 |
| Tổng tài sản | | | | | 1.487.987.362.217 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 168.796.139.843 | 876.539.873.170 | - | 370.481.819 | 1.045.706.494.832 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | 992.914.533 | 5.156.096.456 | - | 2.179.296 | 6.151.190.285 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 16.001.569.422 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 1.067.859.254.539 |
| Số đầu kỳ | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 278.179.180.668 | 343.669.831.752 | 310.130.371.769 | 15.055.000.000 | 947.034.384.189 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 17.179.358.610 | 21.223.828.717 | 19.152.550.740 | 929.743.352 | 58.485.481.420 |
| Tài sản không phân bổ cho bộ phận | | | | | 97.879.629.836 |
| Tổng tài sản | | | | | 1.103.399.495.445 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 48.073.781.078 | 555.332.027.773 | 115.249.682.115 | 15.267.839.611 | 733.923.330.577 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 6.569.739.431 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 740.493.070.008 |




THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính
Đơn vị tính: VNĐ

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
| Tài sản tài chính | | | | |
| <i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | 226.226.252.763 | 162.480.853.987 | 226.226.252.763 | 162.480.853.987 |
| <i>Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> | 183.718.996.227 | 197.857.985.620 | 349.484.788.997 | 206.900.508.150 |
| Chứng khoán thương mại | 183.718.996.227 | 197.857.985.620 | 198.564.788.997 | 206.900.508.150 |
| Cổ phiếu niêm yết | 170.159.646.280 | 176.687.395.670 | 185.005.439.050 | 185.729.918.200 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 13.559.349.947 | 21.170.589.950 | 13.559.349.947 | 21.170.589.950 |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng dưới 01 năm | 150.920.000.000 | - | 150.920.000.000 | - |
| <i>Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i> | | | | |
| <i>Tài sản tài chính sẵn sàng để bán</i> | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 |
| Chứng khoán sẵn sàng để bán | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết (*) | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 | 113.169.662.149 | 112.272.286.149 |
| Đầu tư dài hạn khác | - | - | - | - |
| <i>Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác</i> | 805.765.700.865 | 620.576.042.014 | 805.765.700.865 | 620.576.042.014 |
| Cộng | 1.479.800.612.004 | 1.093.187.167.770 | 1.494.646.404.774 | 1.102.229.690.300 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 700.996.450.000 | 564.396.450.000 | 700.996.450.000 | 564.396.450.000 |
| Phải trả cho người bán - người mua trả tiền trước | 334.269.800 | 15.199.839.800 | 334.269.800 | 15.199.839.800 |
| Chi phí phải trả | 128.785.767.200 | 106.500.451.041 | 128.785.767.200 | 106.500.451.041 |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 163.718.707.634 | 46.012.285.885 | 163.718.707.634 | 46.012.285.885 |
| Các khoản phải trả khác | 59.688.519.096 | 5.202.112.129 | 59.688.519.096 | 5.202.112.129 |
| Cộng | 1.053.523.713.730 | 737.311.138.855 | 1.053.523.713.730 | 737.311.138.855 |

(*) Giá trị hợp lý của các khoản mục này được trình bày theo giá trị ghi sổ do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý





NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và khoản hợp tác kinh doanh được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín của Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Cộng |
|--|------------------------|------------------------|--------------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Phải trả người bán | 63.269.800 | - | 63.269.800 |
| Người mua trả tiền trước | 271.000.000 | - | 271.000.000 |
| Vay và nợ | 146.000.000.000 | 554.996.450.000 | 700.996.450.000 |
| Chi phí phải trả | 7.041.517.200 | 121.744.250.000 | 128.785.767.200 |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 163.718.707.634 | - | 163.718.707.634 |
| Các khoản phải trả khác | 59.688.519.096 | - | 59.688.519.096 |
| Cộng | 376.783.013.730 | 676.740.700.000 | 1.053.523.713.730 |
| Số đầu kỳ | | | |
| Phải trả người bán | 52.289.800 | - | 52.289.800 |
| Người mua trả tiền trước | 15.147.550.000 | - | 15.147.550.000 |
| Vay và nợ | 94.396.450.000 | 470.000.000.000 | 564.396.450.000 |
| Chi phí phải trả | 21.168.423.263 | 85.332.027.778 | 106.500.451.041 |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 46.012.285.885 | - | 46.012.285.885 |
| Các khoản phải trả khác | 5.202.112.129 | - | 4.541.160.108 |
| Cộng | 181.979.111.077 | 555.332.027.778 | 737.311.138.855 |

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hoá, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VNĐ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các hợp đồng hợp tác kinh doanh và các khoản phải trả tài chính. Các khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn, các khoản phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hoá danh mục đầu tư.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Huyền

